

SMSS	Họ	Tên	D	D	Số	STK
TV	Lót	n	T	R	Tiê	
T		B	L	n		
		H	HB			
		T				
1	K38.	Nguyễn	Tu	3.	9	315
	905.	n Thị	yết	75	8	000
	090					0
2	K38.	Lê	Tr	3.	9	315
	905.	Quỳnh	hân	63	2	000
	001	Bảo				0
3	K38.	Phan	Ng	3.	8	262
	905.	Thu	ân	75	8	500
	104					0
4	K38.	Đỗ	Qu	3.	8	262
	905.	Thị	ý	56	4	500
	063	Ngọc				0
5	K38.	Đinh	Ti	3.	9	262
	905.	Duy	ên	47	2	500
	080					0
6	K38.	Nguyễn	Ph	3.	8	262
	905.	n Thị	ươ	34	0	500
	060	Thảo	ng			0
7	K38.	Hồ	Th	3.	8	262
	905.	Công	an	31	6	500
	068	h				0
8	K38.	Phạm	Tâ	3.	7	210
	905.	Minh	m	59	8	000
	101					0